

Số: 84 /2018/TB-ĐHCNĐA-SĐH

Ngày 29 tháng 06 năm 2018

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2018

- Căn cứ quyết định 1607/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc cho phép trường Đại học Công nghệ Đông Á đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành **Quản trị kinh doanh**;
- Căn cứ quyết định số 1283/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2016 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Công nghệ Đông Á đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Kế toán**;
- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018; Trường Đại học Công nghệ Đông Á thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán đợt 2 năm 2018 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng dự thi là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Điều kiện văn bằng:

Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học thuộc các hình thức đào tạo (chính quy, chuyên tu, từ xa, văn bằng 2, liên thông...), thí sinh có “bằng đại học” do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận là bằng đại học do Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

2. Về thâm niên công tác chuyên môn:

Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và ngành học đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học, những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp đại học.

II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, HỌC PHÍ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Địa điểm	Trụ sở chính: Khu Xuân Ổ A, Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.	Lệ phí thi	1.000.000đ/người
Thời gian đào tạo	16-24 tháng	Lệ phí nhập học	500.000đ/người
Học phí học chuyên đổi (khác ngành)	600.000đ/ 1 môn. Ngành gần, ngành khác chuyển đổi từ 3 đến 8 môn tùy nhóm.	Học phí chính	19.000.000đ/năm
Học phí ôn thi	800.000đ/ 1 môn	Lệ phí thi	1.000.000đ/người

III. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

Ngành Quản trị kinh doanh: Kinh tế học quản lý; Quản trị học; Tiếng Anh.



Ngành Kế toán: Nguyên lý kinh tế học, Kế toán tài chính – Kế toán Quản trị;
Tiếng Anh.

2. Hồ sơ dự thi

- Đơn đăng ký theo mẫu	- Giấy khám sức khỏe
- Bản sao bằng tốt nghiệp Đại học & Bảng điểm Đại học (photo công chứng)	- Bản sao giấy khai sinh (photo công chứng)
- Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)	- 03 ảnh 4x6
- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh và xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền)	

IV. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

1. Thời gian phát hành hồ sơ, nhận hồ sơ tuyển sinh và đăng ký học bổ sung: vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ Thứ hai đến Thứ sáu hàng tuần), nhận hồ sơ từ ngày 1/7/2018 đến ngày 30/8/2018
2. Thời gian thi: dự kiến thi vào các ngày **29 – 30 tháng 9 năm 2018**
3. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng khóa học: Sau khi có kết quả trúng tuyển.

V. ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ:

Văn phòng nhận hồ sơ Tuyển sinh, địa chỉ: tầng 1 tòa nhà N06B1 phố Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Hotline: 0918 924 388 hoặc 024 6282 7682

Nơi nhận:

- Như thông báo;
- HĐQT, BGH (để b/c);
- Lưu VP.

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Thành

Phụ lục 1
ĐIỀU KIỆN VĂN BẰNG DỰ THI

I. Quản trị kinh doanh			
STT	Ngành đúng, ngành phù hợp	Môn học BSKT	Số TC
1	Quản trị kinh doanh	0	0
Nhóm 1		Học BSKT 3 môn	
1	Tài chính – Ngân hàng	1. Quản trị tác nghiệp 2. Quản trị tài chính 3. Quản trị doanh nghiệp	3 3 3
2	Tài chính – tín dụng		
3	Bảo hiểm		
4	Khoa học quản lý		
5	Kinh tế		
6	Luật kinh tế		
7	Kế toán – Kiểm toán		
Nhóm 2		Học BSKT 5 môn	
1	Kinh tế chính trị	1. Quản trị tác nghiệp	3
2	Kinh tế gia đình	2. Quản trị tài chính	3
3	Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý	3. Quản trị doanh nghiệp	3
4	Tin học quản lý	4. Marketing căn bản	2
5	Hành chính học	5. Nguyên lý kế toán	2
6	Luật		
7	Quản lý giáo dục		
8	Công tác xã hội		
9	Bất động sản		
10	Công nghệ sinh học		
Nhóm 3		Học BSKT 8 môn	
1	Xã hội học	1. Quản trị tác nghiệp	3
2	Chính trị học	2. Quản trị tài chính	3
3	Quan hệ công chúng	3. Quản trị doanh nghiệp	3
4	Quan hệ quốc tế	4. Marketing căn bản	2
5	Thống kê	5. Nguyên lý kế toán	2

6	Toán ứng dụng	6. Quản trị học	2
7	Công trình xây dựng	7. Kinh tế học vi mô và vĩ mô	3
8	Ngôn ngữ	8. Tài chính tiền tệ	2
9	Điện – điện tử		
10	Chế tạo máy		
II. Kế toán			
STT	Ngành đúng, ngành phù hợp	Môn học BSKT	Số TC
1	Kế toán	0	0
2	Kế toán tài chính		
3	Kế toán doanh nghiệp		
Nhóm 1		Học BSKT 4 môn	
1	Kinh tế	1. Nguyên lý kinh tế học	3
2	Kinh tế đầu tư	2. Nguyên lý kế toán	3
3	Kinh tế quốc tế	3. Kế toán tài chính	3
4	Quản trị kinh doanh	4. Nguyên lý kiểm toán	2
5	Kinh doanh thương mại		
6	Bảo hiểm		
7	Quản trị nhân lực		
8	Quản lý công		
9	Tài chính ngân hàng		
Nhóm 2		Học BSKT 7 môn	
1	Pháp luật	1. Nguyên lý kinh tế học	3
2	Luật kinh tế	2. Nguyên lý kế toán	3
3	Tin học	3. Kế toán tài chính	3
4	Kinh tế chính trị	4. Nguyên lý kiểm toán	2
5	Các ngành thuộc kinh tế kỹ thuật	5. Kế toán quản trị	2
6	Quản lý xã hội	6. Quản trị và quản trị doanh nghiệp	2
		7. Tài chính tiền tệ	2

Phụ lục 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(căn cứ thông thư 15/2014/TT/BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Đối tượng ưu tiên

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm (10 điểm) cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Điểm b, c Khoản 1, Điều 5 Quy chế này, do cơ sở đào tạo quy định.

Phụ lục 3

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG
TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Căn cứ thông thư 15/2014/TT/BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 FBT 133 CBT 45 IBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

